

CHUẨN ĐẦU RA

Chương trình đào tạo kỹ sư Công nghệ thông tin trình độ đại học
*(Kèm theo Quyết định số 122 /QĐ-ĐHCNĐN ngày 28 tháng 7 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai)*

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

Mã số: 52480201

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Yêu cầu về kiến thức:

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

KT1. Có hiểu biết cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, an ninh quốc phòng, khoa học xã hội nhân văn phù hợp với truyền thống văn hoá Việt Nam.

KT2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên ngành và khả năng học tập nâng cao trình độ.

1.2. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành:

KT3. Hiểu biết về hệ thống máy tính: Kiến trúc máy tính, hệ điều hành, mạng máy tính;

KT4. Nắm vững và vận dụng được các kiến thức về toán logic và thuật toán: Cấu trúc dữ liệu, thuật toán, cấu trúc rời rạc;

KT5. Nắm vững và vận dụng được các kiến thức về lập trình cơ bản và phát triển ứng dụng: Kỹ thuật lập trình, lập trình hướng đối tượng, cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế hệ thống thông tin.

KT6. Nắm vững các nguyên lý hoạt động của các thiết bị mạng, thiết bị chuyển mạch, thiết bị định tuyến và các phương tiện truyền thông để thiết kế, cấu hình và quản trị các hệ thống mạng

KT7. Biết được các kiến thức về an ninh mạng và các giao thức xác thực để đảm bảo vấn đề an ninh mạng và hệ thống.

KT8. Vận dụng được kiến thức về ngôn ngữ lập trình, công cụ hỗ trợ và các công nghệ mới để phát triển hệ thống phần mềm.

KT9. Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng lập trình để xây dựng, phát triển và triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin dựa trên nhiều nền tảng thiết bị: máy tính, web, thiết bị di động

KT10. Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành để phân tích, thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin, các hệ thống thông minh, quản trị và xử lý dữ liệu đa phương tiện.

KT11. Vận dụng được kiến thức về trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn để tạo ra các sản phẩm thông minh đáp ứng nhu cầu thị trường.

KT12. Vận dụng được kiến thức về kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm để quản lý, kiểm soát, phân tích và đánh giá chất lượng phần mềm

KT13. Biết được các kiến thức về quản lý dự án công nghệ thông tin: quản lý, phân tích và đánh giá dự án phần mềm.

KT14. Kiến thức bổ trợ: Đạt trình độ tiếng Anh chuẩn B1 (khung tham chiếu Châu Âu) hoặc các chứng chỉ tương đương; Khuyến khích đạt một số chứng chỉ chuyên môn quốc tế về công nghệ thông tin: CCNA, MCSA, PMP, CompTIA Project, CMMI... ; Đạt chứng chỉ Kỹ năng mềm.

2. Yêu cầu về kỹ năng:

KN1. Kỹ năng sửa chữa, lắp ráp, thay thế, bảo trì các thiết bị phần cứng của máy tính.

KN2. Kỹ năng khảo sát, thiết kế, lắp đặt và quản trị, khai thác có hiệu quả mạng máy tính cho các cơ quan, doanh nghiệp, trường học,...

KN3. Kỹ năng xây dựng tài liệu kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn sử dụng đối với các thành phần của một hệ thống máy tính.

KN4. Kỹ năng khảo sát, phân tích thiết kế, giám sát, kiểm thử và đánh giá được mức độ an toàn và hiệu năng của hệ thống mạng.

KN5. Kỹ năng thiết kế, triển khai thực hiện và quản lý các dự án phần mềm, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đặt ra trong điều kiện thực tế.

KN6. Kỹ năng tiếp cận, quản lý vận hành, bảo trì, phát triển các ứng dụng quản lý cơ sở dữ liệu và các ứng dụng thông minh.

KN7. Kỹ năng tổ chức và tham gia các hoạt động tập thể, xây dựng và phát triển mối quan hệ với tập thể;

KN8. Kỹ năng tư duy phản biện tốt, từ đó phân tích, đánh giá nhằm đưa ra cách giải quyết vấn đề tốt nhất

KN9. Tham gia nghiên cứu và bước đầu tiếp cận với các đề tài khoa học;

KN10. Kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, quản lý nhóm và làm việc độc lập;

KN11. Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

3. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

TC1. Có phẩm chất chính trị, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức pháp luật, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp cao.

TC2. Có năng lực vận dụng hiệu quả các kiến thức về mạng máy tính, cơ sở dữ liệu, tư duy thuật toán và phát triển và bảo mật hệ thống thông tin.

TC3. Có phương pháp làm việc khoa học, năng động trong suy nghĩ và hành động, có tinh thần đoàn kết, chia sẻ cùng cộng đồng, đồng nghiệp trong nghề nghiệp cũng như đời sống.

TC4. Không ngừng học hỏi nâng cao trình độ, phấn đấu để trở thành chuyên gia có tay nghề cao về lĩnh vực công nghệ thông tin và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.

TC5. Có ý thức bảo mật về thông tin góp phần bảo vệ an toàn tài sản và an ninh của doanh nghiệp và quốc gia

4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

CV1. Chuyên viên công nghệ thông tin trong các cơ quan, doanh nghiệp: sử dụng các phần mềm để cập nhật, thống kê, tổng hợp thông tin.

CV2. Làm việc trong các công ty sản xuất, gia công phần mềm trong nước cũng như nước ngoài.

CV3. Làm việc trong các công ty tư vấn về đề xuất giải pháp, xây dựng và bảo trì các hệ thống thông tin, hệ thống mạng và truyền thông.

CV4. Tham gia công tác tại các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Khả năng tự học, đọc tài liệu chuyên ngành, kể cả tiếng Anh để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, hơn nữa tiếp tục nghiên cứu và học tập để có trình độ học vị cao hơn.

